TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỊNH BIÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 73/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22-07-2022
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Châu Nam Phú.

Hội thẩm nhân dân:

Ông Chau Cương;

Ông Trần Thanh Hoàng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** ông Lê Quốc Trung - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên toà:*** không tham gia.

Trong ngày 22 tháng 07 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 113/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 05 năm 2022 về việc tranh chấp "xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 07 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Hoàng Ngọc C, sinh năm 1981. Địa chỉ nơi cư trú: số 106/21Đ Lý Thường K, Phường 7, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

2. Bị đơn: bà Lê Thị Đ, sinh năm 1982. Địa chỉ nơi cư trú: khóm X, thị trấn T, huyện T1, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 09/04/2022 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Hoàng Ngọc C trình bày:

Ông Hoàng Ngọc C và bà Lê Thị Đ là vợ chồng, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm trong năm 2014. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cự cải nhau. Mặc khác, ông C

cho rằng do ông thường xuyên không có nhà, đi làm ăn xa nên tình cảm vợ chồng không còn nửa và không thể hàn gắn lại được. Vì vậy, ông C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Đ.

Về con chung: ông C và bà Đ có một đứa con tên Hoàng Thị Mỹ Nhung, sinh ngày 10/11/2013, hiện đang sống với ông C, khi ly hôn ông C xin quyền nuôi con chung và không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: ông C không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Ông C khai không có nợ chung.

2. Tại bản tự khai ngày 25/05/2022, bị đơn bà Lê Thị Đ trình bày:

Năm 2013, bà Đ và anh C kết hôn và có đăng ký kết hôn hợp pháp trong năm 2014. Cuộc sống hôn nhân ban đầu hạnh phúc, sau đó xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cải nhau, do ông C thường xuyên bỏ nhà đi nên không có tiếng nói chung, do không chung sống được với nhau nên bà Đ bỏ về huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang sinh sống đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nên ông C xin ly hôn, bà Đ đồng ý.

Về con chung: bà Đ và ông C có một đứa con tên Hoàng Thị Mỹ Nhung, sinh ngày 10/11/2013, hiện đang sống với ông C. Khi ly hôn, bà Đ đồng ý giao con chung cho ông C nuôi dưỡng và bà Đ không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà Đ không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: bà Đ khai không có nợ chung.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông C, bị đơn bà Đ đều vắng mặt (cùng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt) và không ai cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hôn nhân gia đình về việc xin ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại trên địa bàn huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn ông C, bị đơn bà Đ (đều có đơn xin xét xử vắng mặt). Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành

xét xử vắng mặt đương sự và xét xử vụ án theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Quan hệ hôn nhân và gia đình giữa ông C với bà Đ được xác lập trong năm 2013, trước ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực, nay phát sinh tranh chấp thì áp dụng Luật về hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết theo quy định tại Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà Đ xác lập trước năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc, huyện An Phú, tỉnh An Giang theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình 2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Theo lời trình bày của các đương sự (nguyên đơn, bị đơn) thì vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và hiện đang sống ly thân với nhau. Nguyên đơn ông C xin ly hôn, bị đơn bà Đ đồng ý.

Theo quy định tại Điều 18 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 quy định: *"Vợ chồng chung thuỷ, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững"*.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông C, bà Đ đã không còn sống chung với nhau, do bất đồng trong quan điểm sống hôn nhân. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân của ông C với bà Đ là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông C khởi kiện xin ly hôn, bà Đ đồng ý là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 89 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[5] Về quan hệ con chung: ông C và bà Đ có một đứa con chung tên Hoàng Thị Mỹ Nhung, sinh ngày 10/11/2013, hiện đang chung sống với ông C. Khi ly hôn, ông C xin quyền nuôi con, bà Đ đồng ý giao con cho ông C nuôi dưỡng, ý kiến, yêu cầu của ông C, bà Đ phù hợp với nguyện vọng của cháu Nhung mong muốn được sống với ông C. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở giao cháu Nhung cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 92 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: ông C người trực tiếp nuôi con nhưng không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con, người không trực tiếp nuôi con không tự nguyện cấp dưỡng; về tài sản chung: ông C, bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết và cùng khai không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Hoàng Ngọc C là người xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án xin ly hôn với số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng);

- Bị đơn bà Lê Thị Đ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 218; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 9, 11, 89, 90, 91, 92, 93, 94 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000;

Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Hoàng Ngọc C.

- Về quan hệ hôn nhân: ông Hoàng Ngọc C được ly hôn với bà Lê Thị Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 37, ngày 25 tháng 03 năm 2014 của Uỷ ban nhân dân xã Vĩnh Lộc, huyện An Phú, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: giao con chung tên Hoàng Thị Mỹ Nhung, sinh ngày 10/11/2013 cho ông Hoàng Ngọc C trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Lê Thị Đ không trực trực tiếp nuôi con nhưng được đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dạy con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

- Về án phí sơ thẩm: ông Hoàng Ngọc C phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0007707, ngày 18/05/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản bán được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện Tịnh Biên;
- Tòa án tỉnh An Giang;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- THA huyện Tịnh Biên;
- Lưu Vp + Hs.

Châu Nam Phú